

Số: 08/2022/CV-DT-PHFM
V/v: CBTT về Báo cáo thường niên
năm 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn
Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.5413.7991

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lu, Hui-Hung

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng
khoán, PHFM trân trọng công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2022, chi tiết theo tài
liệu đính kèm.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHFM tại: <http://phfm.vn/vi/>, phần
Quan hệ nhà đầu tư, mục Công Bố Thông Tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ đính kèm:

- Phụ lục IV Thông tư 96/2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Ban thư ký.



Ông LU, HUI-HUNG

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của
người đại diện theo pháp luật**

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN
LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06../2023/BC-KSNB-PHFM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30... tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Vụ quản lý các công ty quản lý quỹ và
Quỹ đầu tư chứng khoán.

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/11/2021.
- Vốn điều lệ: 39.000.000.000VND (Ba mươi chín tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.000.000.000VND (Ba mươi chín tỷ đồng)
- Địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84-28) 5413 7991
- Website: www.phfm.vn
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - o Tiền thân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM) là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng (VCMC). VCMC được thành lập vào cuối năm 2007 tại Hà Nội với vốn điều lệ 28.000.000.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
 - o **Năm 2013**, để phù hợp cho định hướng và mục tiêu hoạt động, Công ty chính thức chuyển địa chỉ trụ sở chính từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM), tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
 - o Cũng trong năm này, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn lên 39.000.000.000 đồng và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh mới: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - o **Năm 2016**, Công ty thành lập quỹ thành viên đầu tiên mang tên Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam.

- Năm 2017, Công ty tiếp tục thành lập quỹ thành viên thứ hai mang tên Quỹ Đầu tư Phát triển Hàng Thông.
- Năm 2021, Công ty chuyển trụ sở chính về Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2022, Công ty được cấp giấy phép lập Quỹ đại chúng đầu tiên mang tên Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam.

1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2021 và năm 2022:

- ✓ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- ✓ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh

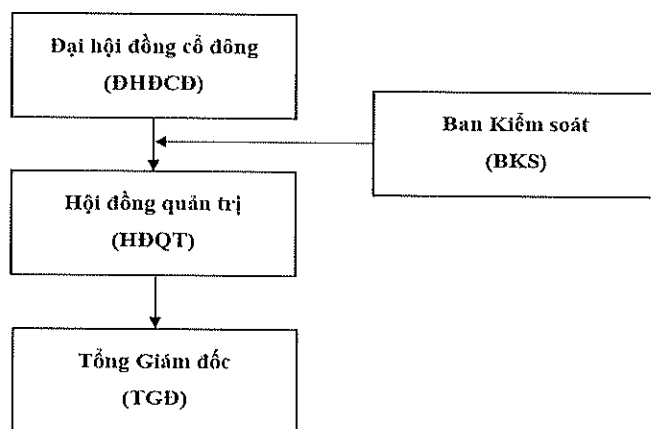
Địa bàn kinh doanh chính của Công ty trong năm 2021 và năm 2022 là Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD), Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD).

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. ĐHĐCD có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính;
- Hàng năm, thông qua báo cáo của HDQT, BKS và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số thành viên HDQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HDQT, BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

- ❖ Hội đồng quản trị
 HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
 - Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban TGD;
 - Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
 - Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
 - ❖ Ban Kiểm soát
 BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:
 - Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban TGD;
 - Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
 - ❖ Tổng Giám đốc
 TGD do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. TGD có nhiệm vụ:
 - Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
 - Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
 - Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Kế toán trưởng;
 - Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
 - Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
 - Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- c) Công ty con, công ty liên kết: không có.

1.4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mặc dù đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và kéo dài ở Việt Nam, Công ty vẫn hoàn thành các mục tiêu đề ra. Trong năm 2022, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Biết rằng đại dịch Covid-19 đã thay đổi nghiêm trọng hiểu biết của chúng ta về cuộc sống ở nhiều khía cạnh như đầu tư, làm việc và tương tác xã hội, Công ty đã chuẩn bị để tìm kiếm động lực tăng trưởng tiếp theo trong tương lai.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng đến mục tiêu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông và nhà đầu tư, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tầm nhìn chiến lược trong trung hạn và dài hạn của Công ty được đề ra như sau: Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Với hơn 14 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính – quản lý quỹ, các hoạt động kinh doanh của Công ty không gây ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến môi trường. Theo định hướng của Tổng Giám đốc, Công ty đưa tinh thần và hành động sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và tài nguyên trở thành một phần trong văn hóa Công ty, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động đến môi trường. Các biện pháp kiểm tra, giám sát việc tuân thủ luôn được thực thi một cách nghiêm túc như một cam kết bền vững của Công ty trong việc bảo vệ môi trường xanh.

1.5. Các rủi ro

- Rủi ro nền kinh tế

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng và phát triển chung của nền kinh tế cả nước. Khi nền kinh tế tăng trưởng tích cực sẽ là yếu tố tạo đà cho sự phát triển thuận chiều trong việc đầu tư chứng khoán.

Bên cạnh tốc độ tăng trưởng thì những biến động của các chỉ tiêu kinh tế khác như: lạm phát, chính sách quản lý lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT và TGD luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô để có những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Rủi ro hoạt động

Rủi ro trong quá trình hoạt động bao gồm việc cung cấp sai số liệu NAV (giá trị tài sản ròng) của các quỹ đang quản lý dẫn tới việc Công ty quản lý quỹ phải đền bù cho nhà đầu tư, gây tổn hại đến tài chính của Công ty. Công ty sẽ giảm thiểu rủi ro này bằng cách theo dõi và kịp thời điều chỉnh khi nhận được thông báo và yêu cầu từ Ngân hàng lưu ký/ giám sát hoặc ngược lại.

- **Rủi ro pháp lý**
 Dịch vụ tài chính là ngành được kiểm soát rất chặt chẽ và ngày càng bị điều tiết nhiều hơn. Sự theo dõi gắt gao này có thể dẫn đến rủi ro gia tăng các nghĩa vụ của Công ty, các chi phí về pháp lý, tuân thủ và các chi phí khác có liên quan. Việc tăng cường kiểm tra giám sát cũng có thể làm trầm trọng thêm gánh nặng hành chính đối với Công ty.
 Để hạn chế rủi ro pháp luật, nhân viên Kiểm soát tuân thủ luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản, quy định mới đảm bảo các bộ phận thực hiện công việc theo đúng quy định của pháp luật.
- **Rủi ro khác**
 Các rủi ro khác (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, v.v...) tuy khả năng xảy ra là rất thấp nhưng đây là loại rủi ro hoàn toàn có thể tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gây thiệt hại về con người, tài sản và những tổn thất lớn khác. HĐQT và TGD Công ty luôn quan tâm và có những biện pháp diễn tập, truyền thông nội bộ định kỳ để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	28.995.241.549
2	Vốn chủ sở hữu	28.663.703.670
3	Doanh thu thuần	6.691.368.878
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.582.598.586)
5	Lợi nhuận trước thuế	(3.632.598.586)
6	Lợi nhuận sau thuế	(3.632.598.586)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**
 Năm 2022 lỗ so với kế hoạch, tương đương 3.632.598.586đ. Tổng doanh thu năm 2022 thấp hơn 50,15% so với kế hoạch năm, tương đương 6.691.368.878đ. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi, dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhiều nhất nhưng giảm về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ, dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư đồng thời chứng kiến sự tăng trưởng khi doanh nghiệp mới và khách hàng mới được giới thiệu và triển khai quỹ mở bắt đầu đi vào hoạt động chậm so với dự kiến (tháng 11/2022). Tuy nhiên, dù công ty đang trong quá trình mở rộng và phát triển doanh nghiệp, nhưng chi phí hoạt động trong năm giảm 30,94% so với kế hoạch năm.

2.2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Tổng Giám Đốc : Lu, Hui-Hung
Giới tính : Nam
Quốc tịch : Đài Loan

Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Phó Tổng Giám Đốc : Kuo, Ping - Min

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Đài Loan

Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Phó Tổng Giám Đốc : Shiu, Jingshia

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Đài Loan

Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

- Những thay đổi trong Ban điều hành
Trong năm 2022, Công ty có bổ nhiệm thêm 2 Phó tổng giám đốc trong Ban điều hành.
- Số lượng nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
 - Thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty là 25 người.
 - Trong điều kiện lao động bình thường, thời gian làm việc của người lao động là 40 giờ/ tuần, thời gian làm việc mỗi ngày là 8 giờ.
 - Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
 - Nhân viên trong Công ty được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Nếu yêu cầu công việc phải đi công tác xa, nhân viên sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.
 - Công ty luôn xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp và cạnh tranh với đặc trưng ngành nghề hoạt động của Công ty, bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật.
 - Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm y tế, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho nhân viên theo quy định của pháp luật.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

– Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2022, Công ty thực hiện đầu tư các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng theo các hình thức như sau:

- Có kỳ hạn dưới 03 tháng có tổng giá trị là 6.5 tỷ đồng;
- Có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng có tổng giá trị là 3 tỷ đồng;
- Có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tổng giá trị là 20 tỷ đồng

- Không kỳ hạn có tổng giá trị là 0 tỷ đồng.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

2.4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	32.647.478.852	28.995.241.549	-11,19%
2	Doanh thu thuần	6.913.398.631	6.691.368.878	-3,21%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.019.969.866	(3.582.598.586)	-451,25%
4	Lợi nhuận khác		(50.000.000)	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.019.969.866	(3.632.598.586)	-456,15%
6	Lợi nhuận sau thuế	811.265.813	(3.632.598.586)	-547,77%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	208	(931)	-547,60%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	90	83
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Lần	90	83
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	1,08%	1,14%
2.2	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	1,09%	1,16%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
3.2	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Lần	0,21	0,22
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	11,73%	-54,29%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	2,51%	-12,67%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	2,48%	-12,53%

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021	Năm 2022
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	14,75%	-53,54%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng (Mười nghìn)/ cổ phần
- Tổng số chứng khoán đang lưu hành : 3.900.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán tự do chuyển nhượng : 3.900.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước:	2.145.000	55,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	2.145.000	55,00
2	Cổ đông nước ngoài:	1.755.000	45,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	1.755.000	45,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	0	0,00
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00
	TỔNG CỘNG	3.900.000	100,00

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần:	3.900.000	100,00
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	2.145.000	55,00
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	1.755.000	45,00
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn cổ phần:	0	0,00

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	0	0,00
	TỔNG CỘNG	3.900.000	100,00

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Tăng vốn đợt 01: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 28.000.000.000 đồng lên 39.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành: Tháng 09/2013
 - Tổng giá trị phát hành: 11.000.000.000 đồng
 - Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo thông báo số 6069/UBCK-QLQ ngày 30/09/2013.
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e. Các chứng khoán khác: Không có.

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán, nên không có bất cứ tác động nào liên quan đến môi trường và xã hội, cụ thể như sau:

- 1) Tác động lên môi trường
 - Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có.
 - Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có.
- 2) Quản lý nguồn nguyên vật liệu
 - Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không có.
 - Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.
- 3) Tiêu thụ năng lượng
 - Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: không có.
 - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
 - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.
- 4) Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
 - Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: không có.
 - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.
- 5) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
 - Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

- 6) Chính sách liên quan đến người lao động
- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - ✓ Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2022: 25 người
 - ✓ Mức lương trung bình đối với người lao động: 15.000.000 đồng/ người/ tháng
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - ✓ Nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, khang trang, hiện đại và tiện lợi nhất.
 - ✓ Tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, đồng thời yêu cầu nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của tòa nhà và của công ty.
 - ✓ Chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện theo đúng quy định của công ty và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
 - Hoạt động đào tạo người lao động
 - ✓ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 1 - 2 ngày mỗi quý.
 - ✓ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: hỗ trợ chi phí và điều kiện về thời gian để nhân viên được đào tạo, thi sát hạch lấy chứng chỉ hành nghề trong ngành chứng khoán, quản lý quỹ.
- 7) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
 Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không có.
- 8) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022
 Trong năm 2022 – đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng năm 2022 so với năm 2021:
 - ✓ Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ giảm 3,21% so với năm 2021;
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế giảm 456,25% so với năm 2021;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế giảm 547,77% so với năm 2021;
 - ✓ Tổng tài sản Công ty giảm 11,19% so với năm 2021.
 - ✓ Năm 2022 lỗ so với kế hoạch, tương đương 3.632.598.586đ. Tổng doanh thu năm 2022 thấp hơn 50,15% so với kế hoạch năm, tương đương 6.691.368.878đ. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi, dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhiều nhất nhưng giảm về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ, dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư đồng thời chứng kiến sự tăng trưởng khi doanh nghiệp mới và khách hàng mới được giới thiệu và triển khai quỹ mở bắt đầu đi vào hoạt động chậm so với dự kiến (tháng 11/2022). Tuy nhiên, dù công ty đang trong quá trình mở rộng và phát triển doanh nghiệp, nhưng chi phí hoạt động trong năm giảm 30,94% so với kế hoạch năm.

Dự kiến trong năm tới hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định và phát triển hơn, kết quả thu được sẽ khả quan hơn.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được
 - Kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong năm 2022;
 - Nguồn tài chính ổn định đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022;
 - Cải tiến quy trình quản lý nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý.

3.2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản
 - ✓ Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2022 là 28.995.241.549đ, giảm 11,19% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 95,24% và tài sản dài hạn chiếm 4,76%.
 - ✓ Tài sản ngắn hạn giảm 4.133.634.583đ, còn 27.616.234.015đ cuối năm 2022, tương đương mức giảm 13,02% so với năm 2021.
 - ✓ Tài sản dài hạn tăng 481.397.280đ, đạt 1.379.007.534đ cuối năm 2022, tương đương mức tăng 53,63% so với năm 2021.
 - ✓ Trong năm 2022, tình hình tài sản của Công ty giảm 11,19% so với năm 2021.
- Tình hình nợ phải trả
 - ✓ Nợ phải trả của Công ty tính đến 31/12/2022 là 331.537.879đ, giảm 5,59% so với cùng kỳ năm 2021.
 - ✓ Năm 2022, nợ ngắn hạn ghi nhận mức 331.537.879 đồng, chiếm 100% nợ phải trả, giảm 5,59% so với cùng kỳ năm trước.
 - ✓ Công ty không có nợ dài hạn phải trả.
 - ✓ Trong năm 2022, các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty hiện không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán. Cũng trong năm này, Công ty không có bất kỳ khoản vay trong và ngoài nước vì vậy sẽ không chịu ảnh hưởng đến từ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2022, từng bộ phận dần được hoàn thiện và đi vào hoạt động khá ổn định, hiệu quả. Đồng thời, TGD gia tăng hoạt động giám sát để đảm bảo đánh giá đúng hiệu quả làm việc của nhân viên và các bộ phận trong Công ty. Các chính sách quản lý cũng được duy trì với mục tiêu tiết giảm chi phí tối đa, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của TGD.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong môi trường kinh doanh mà công nghệ số đang đóng vai trò quan trọng trong các dịch vụ tài chính, PHFM đang cố gắng nhanh chóng nâng tầm thương hiệu của mình bằng cách tung ra các chiến lược quảng bá trên các phương tiện truyền thông. Dựa trên những thành tựu mà PHFM đã đạt được trong năm 2022, PHFM sẽ tập trung nguồn lực để thành lập và vận hành quỹ mở, mở rộng quy mô tổng giá trị tài sản quản lý (AUM) đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, tăng cường năng lực tài chính bằng cách đa dạng hóa nguồn thu và tiếp tục biên soạn, hoàn thiện các quy chế và quy trình nội bộ để đáp ứng yêu cầu của pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Hoàn thành việc xây dựng danh mục cho PHVSF trong quý I/2023 nhằm đáp ứng các quy định về hạn chế đầu tư và tạo hồ sơ hoạt động tốt để thu hút dòng vốn vào quỹ. Do thị trường chứng khoán hiện tại được đánh giá là đang ở vùng giá hấp dẫn, việc bắt đầu xây dựng danh mục đầu tư cho quỹ thời điểm này sẽ mang lại lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư.

3.5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến của Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, v.v.): PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán nên không có các ảnh hưởng đến các chỉ tiêu môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật lao động về quyền lợi của người lao động, luôn đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội và nhân viên luôn được tạo các điều kiện tốt nhất trong quá trình làm việc.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn tuân thủ mọi quy định của pháp luật đối với cộng đồng, xã hội, địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022, Công ty đã có kết quả hoạt động kinh doanh như sau, doanh thu thuần đạt 6.691.368.878đ, giảm 3,21% so với năm 2021. Các chỉ số hợp nhất về khả năng sinh lời như Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần với kết quả lần lượt là -12,67% và -53,54%. Hơn nữa, các chỉ số về cơ cấu vốn ở mức thấp cho phép Công ty khai thác sức mạnh đòn bẩy tài chính để gia tăng lợi nhuận và tận dụng nguồn lực từ các ngân hàng và tổ chức tài chính.

Trong năm nay, dù lợi nhuận sau thuế lỗ -3.632.598.586đ, giảm 547,77% so với năm 2021. Chi phí tăng do các khoản chi phí cho nhân viên, bao gồm tiền lương và phụ cấp, tăng mạnh. Chi tiêu cho thiết bị CNTT và dịch vụ thuê ngoài cũng tăng đồng thời với việc mở rộng kinh doanh. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi. Dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhiều nhất nhưng giảm về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ. Dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư đồng thời chứng kiến sự tăng trưởng khi doanh nghiệp mới và khách hàng mới được giới thiệu. Công ty sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách về người lao động, đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp đúng theo quy định hiện hành. Chăm lo đến sức khỏe người lao động bằng việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

Trong năm 2022, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, đồng thời, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm đối với người lao động.

4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGD đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên năm vừa rồi.

HĐQT tin tưởng và sẽ tiếp tục giao cho Ban TGD những mục tiêu cao hơn để dẫn đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Song hành với việc phát triển doanh thu, thì việc tuân thủ các quy định của pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu, để đạt được mục tiêu này, HĐQT thực hiện:

- ✓ Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan;
- ✓ Chỉ đạo việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- ✓ Tăng cường giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động điều hành theo đúng định hướng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- ✓ Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
- ✓ Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế của Công ty.

V. Quản trị công ty

5.1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	877.500	0	22,50%
2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	0	0	0
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	0	0	0
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	0	0	0

- Các chức danh quản lý do từng thành viên HĐQT của Công ty nắm giữ tại các công ty khác như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT - Phu Hung Far East Holding Corporation; - Thành viên HĐQT - CX Technology Cayman;

			- Người đại diện - Freshfields Capital Corporation; - Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán Phú Hưng.
2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT - CTCP Bảo hiểm Phú Hưng.
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	Người đại diện theo pháp luật - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái.
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Phú Vinh.

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	17/01/2022	01/2022/NQ- HĐQT	- Thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Hải Linh thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 17/01/2022. - Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Minh Xuân Trâm giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 17/01/2022. Các thành viên tham dự đã thông qua các nội dung trên với tỷ lệ nhất trí là 100% (4/4).
2	24/01/2022	02/2022/NQ- HĐQT	- Thông qua ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 vào ngày 14/02/2022. - Thông qua tài liệu của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022. Các thành viên tham dự đã thông qua các nội dung trên với tỷ lệ nhất trí là 100% (4/4).
3	10/03/2022	03/2022/NQ- HĐQT	- Thông qua việc bổ nhiệm Bà Kuo, Ping-Min giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PHFM - Phụ trách Tài chính Kế toán và Vận hành (CNTT, Quản lý Khách hàng) kể từ ngày 10/03/2022. Các thành viên tham dự đã thông qua các nội dung trên với tỷ lệ nhất trí là 100% (4/4).
4	06/04/2022	04/2022/NQ- HĐQT	- Thông qua ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29/04/2022. - Thông qua tài liệu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Các thành viên tham dự đã thông qua các nội dung trên với tỷ lệ nhất trí là 100% (4/4).

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
5	28/09/2022	05/2022/NQ-HĐQT	- Thông qua việc bổ nhiệm Bà Shiu, Jingshia giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PHFM, phụ trách Vận hành kể từ ngày 28/09/2022 Các thành viên tham dự đã thông qua các nội dung trên với tỷ lệ nhất trí là 100% (4/4).
6	06/10/2022	06/2022/NQ-HĐQT	- Thông qua việc để Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM) mở tài khoản và sử dụng các dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa cho Quỹ đầu tư Triển Vượng Việt Nam (Quỹ VPDF) và Quỹ đầu tư Phát triển Hàng Thông (Quỹ HTDF), phương thức ký và sử dụng chữ ký trong giao dịch; - Thông qua việc Người đại diện theo pháp luật của PHFM được quyền đăng ký người ủy quyền khi mở tài khoản tại Ngân hàng; - Thông qua việc khi có sự thay đổi về Người đại diện theo pháp luật của PHFM và phương thức giao dịch liên quan đến tài khoản của Quỹ VPDF và Quỹ HTDF mở tại BIDV thì phải có sự đồng ý của tất cả các thành viên trong Hội đồng quản trị được thể hiện bằng văn bản gửi tới Ngân hàng. Các thành viên tham dự đã thông qua các nội dung trên với tỷ lệ nhất trí là 100% (4/4).

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- ✓ HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm;
- ✓ Về tổng thể, công tác giám sát đối với Ban điều hành nói chung được duy trì có hệ thống và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, thỏa mãn các vấn đề về hoạt động kinh doanh và tài chính;
- ✓ HĐQT đã nỗ lực, sáng tạo và chủ động trong công tác chỉ đạo nhằm đạt được những kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

– Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

– Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

5.2. Ban Kiểm soát

– Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Liew Sep Siang	Trưởng BKS	0	0	0,00%
2	Lii, San-Rong	Thành viên BKS	0	0	0,00%
3	Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	0	0	0,00%

– Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Phiên họp ngày	Số biên bản họp	Nội dung
1	05/04/2022	01/2022/BB-BKS	Thông qua báo cáo thẩm định tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng trong năm tài chính 2021.

Trong năm 2022, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- ✓ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị, điều hành nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- ✓ Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua;
- ✓ Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

– Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích chi tiết như sau:

STT	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2022 (triệu đồng)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm 2022
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
I	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022

ST T	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2022 (triệu đồng)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm 2022
2	Ông Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022
3	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022
4	Bà Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022
2. BAN KIỂM SOÁT						
1	Ông Liew Sep Siang	Trưởng BKS	-	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022
2	Ông Lii, San-Rong	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022
3	Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022
3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Ông Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc	845.6	-	-	01/01/2022 - 31/12/2022
2	Bà Kuo, Ping-Min	Phó Tổng Giám đốc	584.6	-	-	10/03/2022 - 31/12/2022
3	Bà Shiu, Jingshia	Phó Tổng Giám đốc	191.4	-	-	28/09/2022 - 31/12/2022

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: trong năm 2022, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, các nhà đầu tư và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

VI. Báo cáo tài chính

6.1. Ý kiến Kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty. Cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2022

(Phụ lục đính kèm từ trang 19 đến trang 46)

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu Ban Thư Ký

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



LƯU, HUI - HUNG

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng)



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

*Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022*

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 28

100%
Cổ
ĐIỂN
HỌC
VÀ
...

20
CÔNG
CÓ PH
HỮU
PHÚ
HƯNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo giấy phép ban đầu số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 59.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 811.265.813 VND; Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là (1.632.598.586) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là (6.703.697.744) VND; Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là (10.136.296.330) VND.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông:	Albert, Kwang-Chin Tang	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông:	Ha, Feng Tao	Thành viên
Ông:	Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Bà:	Huang, Wan-Hui	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Ông:	Lu, Hai-Hung	Tổng Giám đốc
Bà:	Kuo, Ping-Min	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Shiu, Jing-shiu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông:	Liew, Sep-Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông:	Li, San-Rong	Thành viên BKS
Ông:	Lo, Nai-Wai	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán PwC Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

1172
1107
1104H
1101U
1101E
1101D
1101A
1101C

C.T.C
C.Y
Đ.N
QUY
V.N.G

3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
Vân Thái, KĐT phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào
ngày 31/12/2022

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chi phí và nợ kế toán được áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định khác có liên quan; và
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm 2022, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

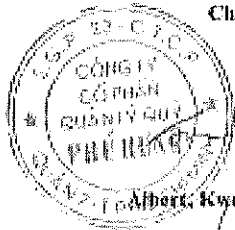
Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm 2022 kết thúc ngày 31/12/2022.

Được, ngày ... tháng 1 năm 2023

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Albert Kwong-Chan Tung

Ty Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 1 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Lu, Hai-Rung



Số: 413/BCRT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

- Kính gửi:**
- Cổ đông Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
 - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
 - Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng được lập ngày tháng năm 2023, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành và Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã lập hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam, thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2023
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (quần Phú Nam (AASCS)



Dỗ Khắc Thanh
Số giấy CNDKHN KTV: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyễn Thùy Mui
Số giấy CNDKHN KTV: 0848-2023-142-1

12/03
HỌ TÊN
QUẢN LÝ
QUẢN LÝ
QUẢN LÝ
QUẢN LÝ
QUẢN LÝ

12/03
HỌ TÊN
QUẢN LÝ
QUẢN LÝ
QUẢN LÝ
QUẢN LÝ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		27.616.234.015	31.749.868.598
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	906.119.361	754.365.317
1. Tiền	111		906.119.361	754.365.317
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	24.000.000.000	29.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		24.000.000.000	29.500.000.000
2. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		1.704.596.579	1.267.263.964
1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	194.993.566	400.727.666
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4.1	1.509.603.013	866.536.298
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.005.518.075	238.239.317
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 7.1	989.339.759	212.061.001
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu như nước	154	V.9.2	16.178.316	16.178.316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.379.007.534	897.610.254
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		295.000.572	184.500.572
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4.2	295.000.572	184.500.572
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		194.128.365	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	194.128.365	-
- Nguyên giá	222		211.776.400	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.648.035)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397.464.302)	(397.464.302)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		889.878.597	713.109.682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	889.878.597	713.109.682
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.995.241.549	32.647.478.852

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		331.537.878	351.176.596
I. Nợ ngắn hạn	310		331.537.878	351.176.596
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		15.881.910	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.1	131.673.969	80.032.627
5. Phải trả người lao động	315		-	199.000.000
6. Chi phí phải trả	316	V.8	183.982.000	70.943.969
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	1.200.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		28.663.703.670	32.296.302.256
I. Vốn chủ sở hữu	410		28.663.703.670	32.296.302.256
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.10	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Dự trữ vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.336.296.330)	(6.703.697.744)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.995.241.549	32.647.478.852

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		61,24	67,84
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		117.162.328.481	1.024.311.348
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		117.162.328.481	1.024.311.348

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Thủy



Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nguyễn Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Ban Giám Đốc

Nguyễn Văn Hải

CHỖ CHỮ ĐÓNG

Nguyễn Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
 Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
 Văn Thám, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào
 ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND

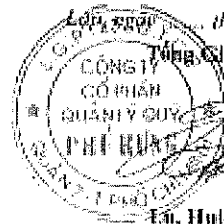
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	V.11.1	6.691.368.878	6.913.398.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		6.691.368.878	6.913.398.631
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		6.691.368.878	6.913.398.631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.11.2	1.451.776.481	2.053.196.854
7. Chi phí tài chính	22		-	75.460
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.12	11.725.743.945	7.946.550.159
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(3.582.598.586)	1.019.969.866
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	V.13	50.000.000	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(50.000.000)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.632.598.586)	1.019.969.866
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	-	208.704.053
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(3.632.598.586)	811.265.813
17. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70		(931)	208

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Thủy



Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám Đốc

Tân, Huỳnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.897.102.978	6.888.703.510
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(550.767.434)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.529.430.276)	(5.368.411.851)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(680.283.440)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		175.221.413	44.932.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.180.398.003)	(3.038.056.946)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(6.158.269.322)</i>	<i>(2.153.116.727)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(211.776.400)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.500.000.000)	(26.000.000.000)
4. Tiền thu từ việc bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		54.000.000.000	222.008.075
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	26.187.500.000
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.051.781.419	5.254.391
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>6.340.005.019</i>	<i>414.762.466</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
 Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
 Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào
 ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2022

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần (trong năm) (50=20+30+40)	50		151.735.697	(1.738.354.261)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		754.365.317	1.492.763.473
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		18.347	(43.895)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		906.119.361	754.365.317

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

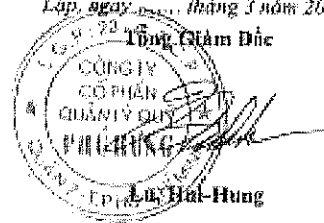
Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Thủy

Lập, ngày... tháng 3 năm 2023

Thủy Giám Đốc



Lưu Hải-Hung



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM



Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		01/01/2021	01/01/2022	Năm trước		Năm này		31/12/2021	31/12/2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000	-	-	-	-	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Tăng do phát hành cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chuyển lịch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chuyển lịch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(7.514.963.557)	(6.703.687.744)	811.265.813	-	-	3.032.598.586	(6.703.687.744)	(10.336.396.130)
Cộng		31.485.036.443	32.296.302.256	811.265.813	-	-	3.032.598.586	32.296.302.256	28.663.703.670

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Lý Ngọc - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
QUẬN 7, TP. HCM
L. Hoai-Hung



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo giấy phép ban đầu số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102394334 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ chứng khoán,

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

5. Tổng số nhân viên: 25 người trong đó có 11 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số vốn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 07/05/2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm máy tính 03 năm
- Máy móc thiết bị 05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần số hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phải ảnh hưởng thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên tham gia liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, năm:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

50117
CÔNG
TANH
HUY
KIỂM
PHI
P.H

3
C.T.C
NG
HUY
QU
KI
C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu niêm yết và đang ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (không bao gồm Sàn giao dịch Chứng khoán UpCom):

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đang ký giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán UpCom:

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch :

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán không phải là Công ty có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá từ các báo giá;
- + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất;
- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá từ các báo cáo; Giá của kỳ báo cáo gần nhất ; Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phải sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí đi đôi vẫn phòng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, như:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch (lớn hơn/ nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chín cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh lỗi số sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thôn mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản tiền được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3016729
CÔNG TY
THANH
TRƯỜNG
HỮNG
KẾ TÍNH TOÁN
PHÍA NHÀ
LƯU

3016729
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
PHÚ HƯNG
PHIẾU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2022

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	30.566.464
Tiền gửi ngân hàng (*)	906.119.361	723.798.853
Tiền gửi ngân hàng VND	904.686.039	722.231.071
Tiền gửi ngân hàng BIDV	162.952.540	74.911.110
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank	699.932.150	646.118.863
Tiền gửi ngân hàng Nam Á	13.425.867	1.201.098
Tiền gửi ngân hàng VIB	28.375.482	-
Tiền gửi ngân hàng USD	1.433.322	1.567.782
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	1.433.322	1.567.782
Tổng cộng	906.119.361	754.365.317

Ghi chú:

(*) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2022 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	24.000.000.000	29.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm BIDV (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn của NH Nam Á (**)	23.000.000.000	27.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm VCB	-	1.000.000.000
Tổng cộng	24.000.000.000	29.500.000.000

Ghi chú:

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/2089231/HDTG ngày 17/01/2019, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm đến 17/01/2022 hợp đồng tài tục với lãi suất bằng lãi suất thị trường là 4,8 %/năm

(**) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07A-HDTG/2022/H.NGHI ngày 12/01/2022, số tiền 3.000.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,7%/năm.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 47A-HDTG/2022/H.NGHI ngày 26/02/2022, số tiền 20.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	170.122.847	400.727.666
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	24.870.719	-
Tổng cộng	194.993.566	400.727.666

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

4.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	1.223.463.013	823.486.298
Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 (*)	92.000.000	-
Đặt cọc thuê căn hộ Crescent Residence 1 (**)	90.000.000	-
Đặt cọc thuê căn hộ Scenic Valley (Lô MD3) (***)	101.640.000	-
Tiền tạm ứng cho nhân viên	2.500.000	-
Đặt cọc thuê căn hộ Starhill	-	43.050.000
Tổng cộng	1.509.603.013	866.536.298

4.2. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng (****)	171.700.572	171.700.572
Đặt cọc tiền thuê xe (*****)	108.000.000	-
Đặt cọc vô hình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	4.800.000	2.300.000
Đặt cọc thuê taxi VinaSun	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grab	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	295.000.572	184.500.572

Ghi chú:

(*) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 ngày 31/08/2022 thời hạn thuê 12 tháng, giá thuê 138.000.000đ/tháng. Đặt cọc trước 52.000.000 đồng.

(**) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 1 ngày 25/02/2022 thời hạn 12 tháng từ ngày 25/02/2022 đến ngày 25/02/2023, số tiền thuê 135.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 90.000.000 đồng.

(***) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Scenic Valley ngày 15/05/2022 thời hạn 12 tháng từ ngày 15/05/2022 đến ngày 14/05/2023, số tiền thuê 50.820.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 2 tháng tiền thuê.

(****) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 091120/PMH_PMHT_21F_L4 có hiệu lực từ ngày 09/11/2020, thời hạn 5 năm từ ngày 19/01/2021 đến ngày 18/01/2026. Đặt cọc trước 171.700.572 đồng.

(*****) Hợp đồng thuê xe ô tô số 01/HĐTX/LHT/QL-QPH/2022 thời hạn thuê 48 tháng từ ngày 23/12/2022 đến ngày 23/12/2026, số tiền thuê 27.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 108.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị vào phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	17.648.035	17.648.035
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tổng trong năm	-	-	-	17.648.035	17.648.035
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	17.648.035	17.648.035
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	194.128.365	194.128.365

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, hàng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

7.1 Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	102.470.042	125.961.001
- Chi phí học phí	259.982.228	-
- Chi phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	383.856.000	-
- Bảo hiểm sức khỏe	64.211.489	-
- Chi phí thuê cabin hộ	178.820.000	86.100.000
Tổng cộng	989.339.759	212.061.001

7.2 Dài hạn

- Chi phí xây dựng, sửa chữa văn phòng	644.081.598	269.760.515
- Chi phí đi dổi thiết bị công nghệ thông tin	245.796.999	409.661.667
- Chi phí cải tạo hệ thống máy lạnh	-	33.687.500
Tổng cộng	889.878.597	713.109.682

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí phải trả phí đỗ xe	-	2.705.000
- Chi phí phải trả phí kiểm toán	88.000.000	44.000.000
- Chi phí phải trả phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	95.982.000	-
- Chi phí phải trả khác khác	-	24.238.969
Tổng cộng	183.982.000	70.943.969

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

9.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
- Thuế Thu nhập cá nhân	80.032.627	566.358.598	514.717.256	131.673.969
Tổng cộng	80.032.627	566.358.598	514.717.256	131.673.969

9.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.178.316	-	-	16.178.316
Tổng cộng	16.178.316	-	-	16.178.316

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
 Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
 Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào
 ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

10. VỐN CỔ PHẦN

Đơn vị tính: VND.

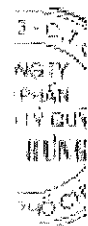
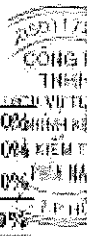
	Số cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông (*)	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000

Ghi chú:

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Vốn góp tại ngày 31/12/2022	% sở hữu
Công ty TNHH Phát triển Thảo Vũ	2.145.000	21.450.000.000	55,00%
Ông Albert, Kwang-Chin Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Ông Kwang, Hong-Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Tổng cộng	3.900.000	39.000.000.000	100%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

11. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
<i>11.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ</i>		
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	498.773.250	499.241.221
+ Doanh thu hoạt động tư vấn	5.908.064.516	6.389.032.258
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ mở-PIVSE (**)	168.748.206	-
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	115.782.906	25.125.152
Tổng cộng	6.691.368.878	6.913.398.631

Ghi chú:

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Chiến lược Việt Nam (VPDF) và Quỹ Đầu Tư Phát Triển Hàng Thặng (HTDF), các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

(**) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam, quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý bằng 1,5% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Số tiền dịch vụ nhận được hằng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

11.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.451.758.134	891.724.251
- Lãi trái phiếu doanh nghiệp	-	1.161.472.607
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.347	-
Tổng cộng	1.451.776.481	2.053.196.858

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	9.758.747.431	6.604.045.676
- Chi phí đồ dùng văn phòng	183.787.297	161.228.489
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.506.800.153	1.102.015.661
- Chi phí bằng tiền khác	273.409.064	76.260.324
Tổng cộng	11.725.743.945	7.946.550.150

13. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Ứng hộ quỹ hỗ trợ cộng đồng Đình Thiện Lý	50.000.000	-
Tổng cộng	50.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm liền kề	-	208.704.053
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	-	208.704.053
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:</i>		
Chi tiêu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.632.598.586)	1.019.969.866
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	59.448.033	33.550.400
+ Các khoản điều chỉnh tăng	59.466.380	33.550.400
+ Các khoản điều chỉnh giảm	18.347	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	(3.573.150.553)	1.043.520.266
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	208.704.053
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất thông thường (20%)	-	208.704.053
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.632.598.586)	811.265.813

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

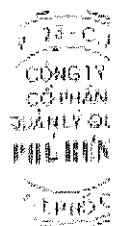
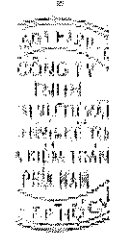
Năm 2022

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong năm báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản trong tương lai	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong năm	-	-
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện		



VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi kỳ kế chưa được ghi nhận: Không
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2022

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31/12/2022:

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28.

4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Không có.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lên về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 VNĐ/cổ phiếu	
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	3.900.000	3.900.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	-	-

7. Giao dịch với các bên liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát triển Thế Vĩ	Góp vốn	21.450.000.000	-
Ông Albert, Kwang-Chin Ting	Rút vốn	6.825.000.000	-
Ông Kwang, Hung-Ting	Rút vốn	6.825.000.000	-
Ông Lu, Hui-Hung	Lương và thưởng	845.600.000	836.600.000
Bà Kuo, Ping-Min	Lương và thưởng	584.634.783	-
Bà Shu, Jingshu	Lương và thưởng	191.400.000	-

8. Những thông tin khác:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021, kết thúc tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phú Nam (AASCS).

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Thủy

